

# **Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

# Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 49

# Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 44 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên
Ông Chiew Sin Cheok	Thành viên
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Mộc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Phước Nghệ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Trần Bá Dương  
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2015



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61005161/17793678/LR-HN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được trình bày từ trang 4 đến trang 49 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Lê Quang Minh  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 0426-2013-004-1

Ngô Bửu Quốc Đạt  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2198-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2015



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>15.767.229.286</b>	<b>10.449.090.861</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>971.545.192</b>	<b>491.483.328</b>
111	1. Tiền		565.295.192	384.533.328
112	2. Các khoản tương đương tiền		406.250.000	106.950.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>25.313.000</b>	<b>25.313.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	25.313.000	25.313.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.819.637.766</b>	<b>3.280.111.355</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.520.775.848	1.213.964.778
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.575.058.338	859.778.285
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	10	10.779.848	11.414.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.717.194.319	1.198.835.652
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 10	(7.973.909)	(6.640.439)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.803.322	2.758.231
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>8.696.994.181</b>	<b>6.409.499.353</b>
141	1. Hàng tồn kho		8.722.208.227	6.444.751.909
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(25.214.046)	(35.252.556)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>253.739.147</b>	<b>242.683.825</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	97.549.470	151.643.467
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		139.378.287	86.895.263
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		16.811.390	4.145.095
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.581.178.199</b>	<b>8.481.605.611</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>19.952.049</b>	<b>22.868.270</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		17.836.000	20.627.789
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.116.049	2.240.481
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>5.218.864.717</b>	<b>5.121.440.602</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.961.459.232	2.885.090.287
222	Nguyên giá		4.834.201.459	4.505.003.902
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.872.742.227)	(1.619.913.615)
227	2. Tài sản vô hình	12	2.257.405.485	2.236.350.315
228	Nguyên giá		2.319.684.509	2.290.325.122
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(62.279.024)	(53.974.807)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>486.793.807</b>	<b>412.402.769</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	486.793.807	412.402.769
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>2.070.387.497</b>	<b>2.067.732.150</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.1	2.036.187.628	2.033.532.281
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.2	62.500.369	62.500.369
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(28.300.500)	(28.300.500)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>785.180.129</b>	<b>857.161.820</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	526.791.416	556.937.596
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.3	37.679.172	59.506.829
269	3. Lợi thế thương mại	17	220.709.541	240.717.395
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>24.348.407.485</b>	<b>18.930.696.472</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>12.877.344.965</b>	<b>10.497.039.112</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>12.533.790.636</b>	<b>9.583.638.317</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	4.841.540.914	3.397.323.791
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	395.675.937	154.974.677
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	423.531.392	680.174.752
314	4. Phải trả người lao động		30.702.459	2.803.001
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	178.788.890	211.538.560
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.014.116	1.001.914
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	65.674.908	62.788.540
320	8. Vay ngắn hạn	23	6.518.413.654	5.004.971.232
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	77.396.775	66.980.661
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.051.591	1.081.189
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>343.554.329</b>	<b>913.400.795</b>
331	1. Phải trả người bán dài hạn		583.917	668.850
338	2. Vay dài hạn	23	322.412.077	894.332.652
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		20.558.335	18.399.293
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>11.471.062.520</b>	<b>8.433.657.360</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>11.471.062.520</b>	<b>8.433.657.360</b>
411	1. Vốn cổ phần	25.1	3.845.000.000	3.525.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		3.845.000.000	3.525.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	1.948.618.837	1.244.618.837
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	(6.840.000)	(6.840.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	(951.076)	(1.479.817)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	5.626.183.924	3.629.528.657
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.476.568.657	361.517.578
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.149.615.267	3.268.011.079
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		59.050.835	42.829.683
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>24.348.407.485</b>	<b>18.930.696.472</b>



Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập



Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng




Trần Bá Dương  
Chủ tịch


Ngày 28 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	17.850.010.171	8.994.617.116
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(45.068.925)	(20.603.571)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	17.804.941.246	8.974.013.545
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(13.502.972.931)	(6.944.509.185)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.301.968.315	2.029.504.360
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	99.390.554	23.532.299
22	7. Chi phí tài chính	29	(280.043.267)	(242.058.741)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	29	(99.885.748)	(143.291.097)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	28	(529.196.469)	(302.610.267)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(316.887.013)	(257.767.120)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.275.232.120	1.250.600.531
31	12. Thu nhập khác	30	37.719.279	39.061.220
32	13. Chi phí khác	30	(14.008.666)	(8.378.555)
40	14. Lợi nhuận khác	30	23.710.613	30.682.665
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.298.942.733	1.281.283.196
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(109.624.906)	(33.469.464)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	32.3	(21.827.657)	(3.681.556)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.167.490.170	1.244.132.176
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		3.149.615.267	1.241.519.533
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		17.874.903	2.612.643
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	25.5	8.609	3.750
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	25.5	8.609	3.750

  
Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập  
Ngày 28 tháng 8 năm 2015

  
Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng

  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
Ô TÔ  
TRƯỜNG HẢI  
TP. BIÊN HÒA - T. Đ.  
Trần Bá Dương  
Chủ tịch



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>3.298.942.733</b>	<b>1.281.283.196</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 17	281.857.908	229.182.808
03	Các khoản dự phòng		3.870.116	256.511
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.987.513	43.081.926
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(4.885.825)	(6.379.360)
06	Chi phí lãi vay	29	99.885.748	143.291.097
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>3.693.658.193</b>	<b>1.690.716.178</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(2.321.134.060)	(260.267.759)
10	Tăng hàng tồn kho		(2.265.154.627)	(1.450.948.046)
11	Tăng các khoản phải trả		1.489.158.805	598.281.999
12	Giảm chi phí trả trước		84.240.177	80.385.040
14	Tiền lãi vay đã trả		(101.268.719)	(168.301.348)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(78.339.567)	(24.733.595)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.154.608)	(6.281.091)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>500.005.594</b>	<b>458.851.378</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(812.412.042)	(606.159.954)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		43.868	1.583.994
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		-	(47.775.100)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		-	28.241.696
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(101.015.318)
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		4.499.671	8.307.259
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(807.868.503)</b>	<b>(716.817.423)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	<b>III.LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		1.024.000.000	660.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		12.228.561.149	8.126.784.779
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(11.308.030.783)	(8.332.714.785)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(1.156.605.593)	(422.083.351)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>787.924.773</b>	<b>31.986.643</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>480.061.864</b>	<b>(225.979.402)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>491.483.328</b>	<b>504.764.737</b>
<b>61</b>	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>-</b>	<b>(428.225)</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>971.545.192</b>	<b>278.357.110</b>

Đỗ Thị Liên Chi  
Người lập

Nguyễn Quốc Tuấn  
Kế toán trưởng



Trần Bá Dương  
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 8 năm 2015